

# **BỘ TƯ PHÁP**

## **PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Công văn số 580 /BTP-CN ngày 10 tháng 02 năm 2025  
của Bộ Tư pháp*

### **1. Đối với việc giải quyết nuôi con nuôi trong nước**

#### **1.1. Rà soát, thông báo tìm người nhận trẻ em làm con nuôi**

##### **1.1.1. Rà soát, đánh giá trẻ em cần được nhận làm con nuôi**

a) Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật

Bộ Tư pháp đề nghị Sở Tư pháp hướng dẫn cơ sở triển khai thực hiện 02 nội dung mới: (i) Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã định kỳ 06 tháng rà soát, đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi. Nếu có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, UBND cấp xã xem xét, giải quyết hoặc hướng dẫn giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật; (ii) nếu không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, UBND cấp xã có văn bản kèm theo hồ sơ trẻ em gửi Sở Tư pháp để tìm người nhận trẻ em làm con nuôi theo quy định, đồng thời báo cáo UBND cấp huyện để biết (khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP và Nghị định số 06/2025/NĐ-CP).

Như vậy, việc thông báo tìm người nhận trẻ em làm con nuôi (thông báo 03 lần liên tiếp trên báo viết hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác của tỉnh/thành phố) không chỉ được thực hiện đối với trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng mà còn được thực hiện đối với trẻ em sống tại cộng đồng, gồm: trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật.

b) Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa sống ở cơ sở nuôi dưỡng

Cơ sở nuôi dưỡng đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi, lập hồ sơ trẻ em bao gồm các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật Nuôi con nuôi, xin ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện đối với cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý cấp huyện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc UBND cấp huyện có ý kiến gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em để thông báo tìm người nhận con nuôi theo quy định (khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được

sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP và Nghị định số 06/2025/NĐ-CP).

**Lưu ý:** (i) cơ sở nuôi dưỡng không được tự ý giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người nhận con nuôi để thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi (khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP và Nghị định số 06/2025/NĐ-CP đã bỏ quy định cơ sở nuôi dưỡng giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người nhận con nuôi để thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi); (ii) sau khi Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương được ban hành và quá trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức các cơ quan được hoàn tất, Bộ Tư pháp đề nghị Sở Tư pháp hướng dẫn cơ sở nuôi dưỡng xin ý kiến của cơ quan mới được giao nhiệm vụ về bảo trợ xã hội, trẻ em.

### *1.1.2. Thông báo tìm người nhận trẻ em làm con nuôi*

- Việc thông báo tìm người nhận trẻ em làm con nuôi trên phạm vi cấp tỉnh và toàn quốc được thực hiện đối với cả trẻ em có sức khỏe bình thường và trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo (khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 06/2025/NĐ-CP đã bỏ quy định miễn thủ tục thông báo tìm gia đình thay thế trong nước đối với trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo);

- Việc thông báo tìm người nhận trẻ em làm con nuôi trên phạm vi cấp tỉnh và toàn quốc được thực hiện đối với: (i) trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng; (ii) trẻ em sống tại cộng đồng, bao gồm: trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật và đã được UBND cấp xã rà soát, đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi nhưng không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi (Điều 6 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP và Nghị định số 06/2025/NĐ-CP).

**Lưu ý:** (i) khi đề nghị Bộ Tư pháp thông báo tìm người nhận trẻ em làm con nuôi trên phạm vi toàn quốc, Sở Tư pháp chỉ cần gửi danh sách trẻ em, không phải gửi kèm theo hồ sơ của trẻ em (điểm b khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP và Nghị định số 06/2025/NĐ-CP); (ii) đối với trẻ em sống tại cộng đồng đã được UBND cấp xã lập hồ sơ đưa vào cơ sở nuôi dưỡng, nếu cơ sở nuôi dưỡng đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi và lập hồ sơ trẻ em để giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài thì không phải thực hiện lại việc thông báo tìm người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi (điểm c khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP và Nghị định số 06/2025/NĐ-CP).

### *1.2. Hồ sơ của người nhận con nuôi*

- Đối với Phiếu lý lịch tư pháp quy định tại khoản 3 Điều 17 của Luật Nuôi con nuôi, người nhận con nuôi nộp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 06/2025/NĐ-CP). Ngoài ra, Phiếu lý lịch tư pháp không bị giới hạn thời hạn có giá trị sử dụng (khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 06/2025/NĐ-CP đã bỏ quy định Phiếu lý lịch tư pháp có giá trị sử dụng nếu được cấp chưa quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ tại UBND cấp xã).

- Đối với Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi quy định tại khoản 5 Điều 17 của Luật Nuôi con nuôi: Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi ở hiện tại khác nhau thì UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú trực tiếp xác minh hoặc có văn bản đề nghị UBND cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi (Nghị định số 06/2025/NĐ-CP đã bổ sung khoản 3 vào Điều 7 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP).

### ***1.3. Nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi***

- Hồ sơ có thể được nộp theo một trong ba hình thức sau: (i) trực tiếp; (ii) gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính; (iii) nộp trực tuyến theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Trường hợp hồ sơ được nộp trực tuyến theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử: (i) người nhận con nuôi nộp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử thì không phải nộp bản giấy; (ii) UBND cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi tra cứu được thông tin, dữ liệu về nhân thân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì người nhận con nuôi không phải nộp bản giấy của giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Nuôi con nuôi; (iii) UBND cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi tra cứu được thông tin, dữ liệu về tình trạng hôn nhân của người nhận con nuôi từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì người nhận con nuôi không phải nộp bản giấy của giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật Nuôi con nuôi. Kết quả tra cứu được UBND cấp xã lưu trữ dưới dạng điện tử hoặc bản giấy, phản ánh đầy đủ, chính xác thông tin tại thời điểm tra cứu và đính kèm hồ sơ của người nhận con nuôi (khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 06/2025/NĐ-CP).

### ***1.4. Thông báo tình hình phát triển của con nuôi và trách nhiệm kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện việc nuôi con nuôi***

Trường hợp cha, mẹ nuôi thay đổi nơi thường trú khi chưa hết thời hạn phải thông báo tình hình phát triển của con nuôi, cha, mẹ nuôi có trách nhiệm tiếp tục thông báo tình hình phát triển của con nuôi cho UBND cấp xã nơi chuyển đến cho đến khi hết thời hạn 03 năm kể từ ngày giao nhận con nuôi. UBND cấp xã nơi cha,

mẹ nuôi chuyển đến có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện việc nuôi con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật Nuôi con nuôi (Nghị định số 06/2025/NĐ-CP đã bổ sung Điều 10a vào Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP).

## **2. Đối với việc giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài**

**2.1. Thời hạn có giá trị sử dụng của giấy tờ trong hồ sơ của người nhận con nuôi và hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi**

### **2.1.1. Đối với hồ sơ của người nhận con nuôi**

Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe, Bản điều tra về tâm lý, gia đình, Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Nuôi con nuôi có giá trị sử dụng nếu được lập, cấp, xác nhận chưa quá 12 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Bộ Tư pháp (khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 06/2025/NĐ-CP).

### **2.1.2. Đối với hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi**

Giấy khám sức khỏe và Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật Nuôi con nuôi có giá trị sử dụng nếu được lập, cấp, xác nhận chưa quá 12 tháng, tính đến ngày hồ sơ của trẻ em được gửi đến Sở Tư pháp hoặc Bộ Tư pháp.

**Lưu ý:** Khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP không quy định thời hạn có giá trị sử dụng của Giấy khám sức khỏe và Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 06/2025/NĐ-CP quy định thời hạn có giá trị sử dụng của những giấy tờ này là không quá 12 tháng kể từ ngày được lập, cấp, xác nhận.

## **2.2. Lấy ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi**

Đối với trường hợp cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú ở địa phương khác thì Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi cử công chức hoặc gửi văn bản đề nghị Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi, Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú tiến hành lấy ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài theo quy định pháp luật và gửi văn bản lấy ý kiến cho Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi (khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 06/2025/NĐ-CP).

## **2.3. Xác minh nguồn gốc của trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi**

- Văn bản của Công an cấp tỉnh trả lời kết quả xác minh nguồn gốc của trẻ em phải kết luận rõ ràng về nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha, mẹ đẻ và **chưa phát hiện vấn đề gì liên quan đến mua bán người**.

- Trường hợp hồ sơ trẻ em thể hiện thông tin cha, mẹ đẻ của trẻ em cư trú ở địa phương khác, Công an cấp tỉnh nơi giải quyết việc nuôi con nuôi trực tiếp xác minh hoặc gửi văn bản đề nghị Công an cấp tỉnh nơi có thông tin cư trú của cha, mẹ đẻ của trẻ em xác minh.

(Khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP và Nghị định số 06/2025/NĐ-CP)

#### ***2.4. Gửi văn bản xác nhận trẻ em đủ điều kiện***

Sau khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi ở nước ngoài, Sở Tư pháp gửi Bộ Tư pháp hồ sơ gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật Nuôi con nuôi kèm theo văn bản xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi nước ngoài, văn bản xác minh của Công an cấp tỉnh đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi; văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi; văn bản thể hiện ý kiến của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi đối với trường hợp trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng (khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP và Nghị định số 06/2025/NĐ-CP).

**Lưu ý:** Tại thời điểm đề nghị Bộ Tư pháp thông báo tìm người nhận trẻ em làm con nuôi trên phạm vi toàn quốc, Sở Tư pháp chỉ gửi danh sách trẻ em nên ở giai đoạn này, Sở Tư pháp phải gửi đầy đủ hồ sơ, gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật Nuôi con nuôi.

#### ***2.5. Xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi***

Theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 06/2025/NĐ-CP:

- Người nhận con nuôi chỉ cần đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi (thay vì phải đáp ứng cả điều kiện theo quy định của pháp luật nước láng giềng như quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP).

- Hồ sơ đề nghị xác nhận đủ điều kiện nhận con nuôi có các giấy tờ theo quy định tại Điều 17 của Luật Nuôi con nuôi và được lập thành 01 bộ (thay vì phải có cả các giấy tờ theo quy định của pháp luật nước láng giềng và số bộ hồ sơ được lập theo quy định của pháp luật nước láng giềng như quy định tại khoản 2 Điều 22 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP).

- Người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ cho UBND cấp huyện nơi thường trú thông qua hình thức nộp trực tiếp, gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (thay vì nộp cho Sở Tư pháp như quy định tại khoản 3 Điều 22 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP).

- Sau khi đăng ký nuôi con nuôi tại cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng, người nhận con nuôi phải làm thủ tục ghi chú việc nuôi con nuôi tại UBND cấp huyện nơi người đó cư trú theo quy định của pháp luật về hộ tịch (thay vì làm thủ tục ghi chú tại UBND cấp xã như quy định tại khoản 4 Điều 22 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP)/.